

Bản án số: 35/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 08-9-2023

V/v: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thân Văn Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tin

2. Bà Nguyễn Thị Thủy Khơi

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Sen- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa: Ông Vũ Hồng Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án huyện Y, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 116/2023/TLST-HNGĐ ngày 09/6/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2023/QĐST-HNGĐ ngày 19/8/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Thân Văn T, sinh năm 1970 (vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang

- Bị đơn: Chị Thân Thị H, sinh năm 1973 (vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn anh Thân Văn T trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Anh đăng ký kết hôn với chị Thân Thị H vào ngày 23/7/1992, tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Y. Anh và chị H có sự tìm hiểu trên tinh thần tự nguyện ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do trong cuộc sống không hợp nhau về tính cách và quan điểm, công việc trong gia đình hàng ngày, do không dàn xếp được cho nên trong cuộc sống vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, việc ai người ấy làm, không có sự bàn bạc thống

nhất chia sẻ. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, sau đó vợ chồng có ngồi lại nói chuyện với mục đích là để vợ chồng sống hòa thuận và ổn định cuộc sống nhưng không có kết quả. Hiện tại mặc dù vẫn ở chung trong một nhà nhưng vợ chồng đã sống ly thân từ 12/2020 đến nay, mọi công việc, cũng như sinh hoạt hàng ngày đều riêng, của ai người đó lo, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay anh xác định tình trạng trầm trọng, không còn có khả năng đoàn tụ. Anh yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết cho anh được ly hôn với chị Thân Thị H.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung nhưng đều đã trưởng thành nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tòa án đã tiến hành thông báo thụ lý vụ án, tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho chị H, nhưng chị H không có ý kiến gì và không đến Tòa án để làm việc. Tại phiên tòa hôm nay, chị H vắng mặt không có lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật; bị đơn không chấp hành đúng quy định về nghĩa vụ có mặt tại tòa theo quy định.

- Về ý kiến giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 57, 58 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Thân Văn T được ly hôn chị Thân Thị H.
2. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. *Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn:* Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn.

[2]. *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Bị đơn là chị Thân Thị H hiện cư trú tại xã N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Y thụ lý vụ án là đúng quy định pháp luật.

[3]. *Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn:*

Anh Thân Văn T và chị Thân Thị H kết hôn ngày 23/7/1992, tại Ủy ban nhân dân xã N, trên cơ sở tự nguyện, đảm bảo mọi điều kiện kết hôn theo luật định. Vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

Lời khai của anh T về việc do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên vợ chồng ly thân từ lâu là phù hợp với kết quả xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân của anh T và chị H. Chị H không đến Tòa án trình bày ý kiến về việc ly hôn. Nên được coi là đã từ bỏ quyền lợi của mình. Có căn cứ để xác định vợ chồng anh T, chị H không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của vợ chồng là phải yêu thương, tôn trọng và chung sống cùng nhau theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử thấy rằng quan hệ hôn nhân giữa anh T, chị H đã trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần xử cho anh Thân Văn T được ly hôn chị Thân Thị H là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. *Về án phí, quyền kháng cáo:* Nguyên đơn là anh Thân Văn T phải chịu án phí theo quy định tại thuộc hộ nghèo cần được miễn án phí theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 57, 58 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Thân Văn T được ly hôn chị Thân Thị H.

2. *Về án phí:* Anh Thân Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010019 ngày 09/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y. Xác nhận anh Thân Văn T đã nộp đủ án phí.

3. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thân Văn Hiếu

